

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN
HỌC BỔNG HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2010-2011 - KHOA GDCT
(Danh sách kèm theo Quyết định số
1690./QĐ-ĐHSP ngày 13.10.2011)

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	ĐT	Xếp loại học tập	Mức tiền	Số tiền
1	K36.001	Bùi Anh Thị Vân	10.02.92	899 00	24	120	
2	K36.003	Võ Ái Mỹ	16.12.92	3.008 00	24	120	
3	K36.004	Vũ Bảy Thị	22.02.91	2.928 00	24	120	
4	K36.008	Ngô Dân Yến	08.09.92	3.288 00	30	150	
5	K36.009	Hoà Dũn g Văn	01.05.90	2.837 00	24	120	
6	K36.013	Hồ Hạn h	14.05.91	2.818 00	24	120	
7	K36.015	Trà Hoa n Thị	27.09.91	3.368 00	30	150	
8	K36.023	Lê Huy ền	21.08.90	2.818 00	24	120	
9	K36.029	Võ La Hôn m g	14.04.92	3.178 00	24	120	
10	K36.032	Hoà Lươ n g	20.09.92	3.398 00	30	150	

nh					
11	K36Bế Luâ	02.2.818	24	120	
	.605Ngọn	12.	2	0.0	0.00
	.033c	90		00	00
12	K36Hoà Điệ	15.3.037	24	120	
	.605ng p	02.	7	0.0	0.00
	.049Thị	91		00	00
13	K36NguPhú	20.2.819	24	120	
	.605yễn c	10.	4	0.0	0.00
	.055Phạ	92		00	00
m					
14	K36NguQuy	25.3.179	24	120	
	.605yễn ên	07.	2	0.0	0.00
	.057Thị	92		00	00
Kim					
15	K36Hoà Tha	10.2.868	24	120	
	.605ng nh	02.	0	0.0	0.00
	.064Thị	91		00	00
16	K36Trầ Tha	18.2.948	24	120	
	.605n nh	04.	0	0.0	0.00
	.065Thị	81		00	00
Lan					
17	K36Trầ Thy	02.2.818	24	120	
	.605n	09.	0	0.0	0.00
	.077Thị	92		00	00
Tha					
nh					
18	K36Lê Tuy	11.2.898	24	120	
	.605Thị ết	04.	0	0.0	0.00
	.091Ngọ	92		00	00
c					
19	K35NgôPhi	26.7.629	24	120	
	.605Thị n	08.	7	0.0	0.00
	.049Hồn	91		00	00
g					
20	K35Lê Phụ	18.7.699	24	120	
	.605Kimng	04.	7	0.0	0.00
	.051	91		00	00
21	K35NguThả	04.7.658	24	120	
	.605yễn o	04.	5	0.0	0.00
	.059Thị	91		00	00
Kim					
22	K35Trầ Thả	03.7.818	24	120	
	.605n o	09.	5	0.0	0.00
	.060Thị	91		00	00
Tha					
nh					
23	K35NguTiê	07.7.548	24	120	
	.605yễn n	09.	5	0.0	0.00
	.073Thị	91		00	00

Kì					
u					
24	K35	NguTiê	08.8.549	30	150
	.605	yễn n	05.	6	0.0 0.00
	.074	K	90		00 00
iêu					
25	K35	NguTú	13.7.628	24	120
	.605	yễn	12.	5	0.0 0.00
	.083	Thị	91		00 00
Tha					
nh					
26	K35	Lê Tý	29.8.009	30	150
	.605	Thị	05.	7	0.0 0.00
	.084		84		00 00
27	K34	Trà Cán	24.8.469	30	150
	.605	n Mh	05.	5	0.0 0.00
	.003	inh	89		00 00
28	K34	NguLàn	01.8.359	30	150
	.605	yễn h	05.	7	0.0 0.00
	.017	Thị	89		00 00
29	K34	Bùi Loa	12.8.359	30	150
	.605	Thị n	09.	9	0.0 0.00
	.020	Mai	87		00 00
30	K34	Mai Ngâ	19.8.469	30	150
	.605	Thị n	89	9	0.0 0.00
	.027				00 00
31	K34	Vy Như	24.9.009	36	180
	.605	Vũ	05.	0	0.0 0.00
	.033	Quỳ	90		00 00
nh					
32	K34	Trà Quy	15.8.428	30	150
	.605	n ên	09.	6	0.0 0.00
	.041	Thị	89		00 00
Ngọ					
c					
33	K34	NguThị	02.8.739	30	150
	.605	yễn nh	08.	4	0.0 0.00
	.063	Cân	85		00 00
h					
34	K34	Lê Thư	10.8.589	30	150
	.605	Anh	06.	0	0.0 0.00
	.064		90		00 00
35	K34	Lê Trâ	03.8.549	30	150
	.605	Thị m	12.	4	0.0 0.00
	.068	Hôn	90		00 00
g					
36	K34	Huỳnh Vân	05.8.509	30	150
	.605	nh	07.	0	0.0 0.00
	.072	Thị	86		00 00
Bíc					

h
37 K35 Võ Gia 25.7.548 24 120
.605Thị ng 12. 5 0.0 0.00
.009 90 00 00
38 K35 Đin Hảo 03.7.549 24 120
.605h 12. 5 0.0 0.00
.017Thị 91 00 00
Tha
nh
39 K35 Cao Hoà 05.7.778 24 120
.605Thị i 10. 6 0.0 0.00
.020 91 00 00
40 K35 Ngu Hư 15.7.659 24 120
.605yễn ơng 04. 4 0.0 0.00
.025Thị 90 00 00
41 K35 Ngu Lê 10.7.659 24 120
.605yễn 10. 2 0.0 0.00
.033Thị 83 00 00
42 K35 Dư Nga 26.7.629 24 120
.605ơng 05. 2 0.0 0.00
.039Thị 90 00 00
43 K35 Tô Nhâ 05.8.541 30 150
.605Thị n 06. 0 0.0 0.00
.044Hạn 91 0 00 00
h